

Số: 12 /2021/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định về đăng ký, từ chối đăng ký, biểu mẫu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04/4/2015 của Liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường-Nội vụ-Tài chính về hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2021.

Quyết định này thay thế Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định cơ chế phối hợp và thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; các tổ chức, cá nhân và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: TN&MT, XD, TC, NN&PTNT, TP (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Các Ban của Đảng; các Ban của HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, KTTH, NC, CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải

QUY CHẾ

Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12 /2021/QĐ-UBND
ngày 20 /7/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ chế phối hợp trong việc giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng đăng ký đất đai; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Từ ngữ viết tắt

1. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP: Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

3. Nghị định số 148/2020/NĐ-CP: Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

4. Giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở.

5. Bộ phận Một cửa: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

6. UBND cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

7. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố.

8. UBND cấp xã: UBND xã, phường, thị trấn.

9. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố.

10. Chi cục Thuế: Chi cục Thuế các khu vực, Chi cục Thuế thành phố Bắc Ninh.

11. Cơ quan quản lý về xây dựng, tài sản: Là cơ quan có thẩm quyền về cấp phép xây dựng, quản lý công trình, tài sản gắn liền với đất, bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh, UBND cấp huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện hoặc Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thị xã, thành phố; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND huyện hoặc Phòng Kinh tế thuộc UBND thị xã, thành phố.

12. Người sử dụng đất: Người sử dụng đất; chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, kịp thời và đúng quy định pháp luật nhằm góp phần đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

2. Xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ, của từng cơ quan, đơn vị, của công chức, viên chức, người lao động trong việc phối hợp thực hiện các nội dung theo quy định.

3. Các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung có liên quan trong việc phối hợp và giải quyết các nội dung phối hợp đúng thời gian quy định; trường hợp quá thời hạn phải chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì để xin lỗi tổ chức, cá nhân theo quy định.

4. Các bên liên quan phải chủ động phối hợp giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình giải quyết hồ sơ; trường hợp có vướng mắc mà các bên không thống nhất được cách giải quyết thì cơ quan chủ trì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định phương thức phối hợp là lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến hoặc phối hợp kiểm tra thực địa.

2. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung lấy ý kiến phải rõ ràng, cụ thể.

Trong thời hạn theo quy định hoặc được ấn định trên văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo đúng nội dung đề nghị cho ý kiến của cơ quan lấy ý kiến. Trường hợp đã quá thời hạn quy định mà cơ quan được lấy ý kiến chưa trả lời hoặc không cung cấp, trả lời thông tin theo đề nghị của cơ quan chủ trì thì phải nêu rõ lý do và phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

3. Trường hợp tổ chức họp lấy ý kiến hoặc phối hợp kiểm tra thực địa:

a) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan, đồng thời gửi công văn mời họp hoặc kiểm tra thực địa, trong đó nêu rõ thành phần tham dự, thời gian, địa điểm, nội dung.

b) Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử người tham gia đúng thành phần; trường hợp thay đổi thành phần theo đề nghị phải báo với cơ quan chủ trì biết trước và cử người tham gia phải có chuyên môn phù hợp với nội dung cuộc họp, ý kiến phát biểu của người được cử đi họp, phối hợp được xác định là ý kiến chính thức của đơn vị được mời tham dự.

c) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ nội dung cuộc họp hoặc buổi kiểm tra thực địa bằng văn bản, các thành viên tham gia họp, kiểm tra có trách nhiệm ký vào biên bản xác thực nội dung ý kiến đã tham gia, làm cơ sở tham mưu cấp thẩm quyền quyết định.

4. Đối với những trường hợp đảm bảo đủ điều kiện thực hiện kết nối điện tử thì phương thức phối hợp được thực hiện thông qua quy trình điện tử, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trên cơ sở số hóa quy trình thực hiện và kết quả giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

2. Lập, cập nhật, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính.

3. Xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

4. Thống kê đất đai hàng năm, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ 05 năm một lần.

5. Thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Điều 6. Quy định về thời gian

1. Thời gian tại Quy chế này được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; thời gian tiếp nhận hồ sơ tại UBND cấp xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của

người sử dụng đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu, giám định.

Trường hợp thực hiện đồng thời nhiều thủ tục hành chính về đất đai thì thời gian thực hiện không vượt quá tổng thời gian thực hiện các thủ tục hành chính đó theo Quy chế này.

2. Đối với trường hợp thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận theo nhu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo thỏa thuận giữa người có nhu cầu và Văn phòng đăng ký đất đai nhưng không quá thời gian thực hiện thủ tục theo Quy chế này.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

4. Thời gian phối hợp lấy ý kiến giải quyết thủ tục hành chính được tính từ khi cơ quan phối hợp nhận được văn bản của cơ quan xin ý kiến đến khi cơ quan xin ý kiến nhận lại được văn bản phản hồi (thời gian văn bản đến tại mỗi cơ quan được xác định theo văn bản trên hệ thống quản lý văn bản điều hành hoặc thời gian ghi trong dấu văn bản đến tại mỗi cơ quan hoặc thời gian ghi nhận trên hệ thống tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện hoặc sở theo dõi luân chuyển hồ sơ làm mốc tính thời gian phối hợp quy định của thủ tục hành chính). Trường hợp cơ quan được lấy ý kiến chậm trả lời thì khi trả lời phải kèm theo văn bản xin lỗi công dân, tổ chức về việc chậm có ý kiến trả lời.

Điều 7. Tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận; đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất; cung cấp, khai thác thông tin đất đai

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận; đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất; cung cấp, khai thác thông tin đất đai là Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và nhận kết quả

a) Trung tâm Hành chính công tỉnh: Đối với trường hợp người sử dụng đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

b) Trung tâm Hành chính công cấp huyện: Đối với trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã thì trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã phải chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

c) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu sử dụng dịch vụ về đất đai thì được lựa chọn thời gian và địa điểm nộp hồ sơ theo thỏa thuận giữa các bên.

Người yêu cầu cung cấp dịch vụ về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm trả chi phí cho việc cung cấp dịch vụ đó.

3. Việc tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, theo dõi quá trình xử lý hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai để giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thì việc tiếp nhận, phối hợp, trả kết quả phải thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định của Chính phủ.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NỘI DUNG PHỐI HỢP, THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 8. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu

1. Đối với trường hợp người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu cung cấp dịch vụ thì việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b) Cơ quan giải quyết: Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Cơ quan phối hợp giải quyết:

- Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo Phiếu chuyển thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin về công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng;

- Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh có trách nhiệm cung cấp thông tin về công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng trong các Khu công nghiệp theo thẩm quyền;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản trên đất là các công trình, sản phẩm nông nghiệp theo quy định;

- UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin về công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: UBND tỉnh hoặc cơ quan được UBND tỉnh ủy quyền.

2. Đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu cung cấp dịch vụ, thì việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b) Cơ quan giải quyết: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại cấp huyện.

c) Cơ quan phối hợp giải quyết:

- UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận những thông tin liên quan đến đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;

- Chi cục Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo Phiếu chuyển thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản trên đất là nhà ở, công trình xây dựng khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng;

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản trên đất là các công trình, sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: UBND cấp huyện.

Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận theo quy định, đồng thời chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để trả kết quả. Trường

hợp hồ sơ nộp tại UBND cấp xã thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển kết quả đã giải quyết cho UBND cấp xã để trả kết quả.

Điều 9. Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận

1. Đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu cung cấp dịch vụ, thì việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b) Cơ quan giải quyết: Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Cơ quan phối hợp giải quyết:

- Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo Phiếu chuyển thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin về công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng;

- Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh có trách nhiệm cung cấp thông tin về công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng trong các Khu công nghiệp theo thẩm quyền;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản trên đất là các công trình, sản phẩm nông nghiệp theo quy định;

- UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin về công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền.

2. Đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu cung cấp dịch vụ, thì việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b) Cơ quan giải quyết: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Cơ quan phối hợp giải quyết:

- Chi cục Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo Phiếu chuyển thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản trên đất là nhà ở, công trình xây dựng khác gắn liền với đất theo quy định về phân công, phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng;

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản trên đất là các công trình, sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền.

Điều 10. Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp

1. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu cung cấp dịch vụ, thì việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b) Cơ quan giải quyết: Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Cơ quan phối hợp: Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo Phiếu chuyển thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai (nếu có).

d) Cơ quan xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp: Văn phòng đăng ký đất đai.

2. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu cung cấp dịch vụ, thì việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b) Cơ quan giải quyết: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Cơ quan phối hợp: Chi cục Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo Phiếu chuyển thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định.

d) Cơ quan xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Điều 11. Thời gian thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu

Thời gian giải quyết không quá 19 ngày, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Cơ quan giải quyết:

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của UBND tỉnh:

Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết hồ sơ không quá 08 ngày, bao gồm các nội dung: Thẩm tra, xác minh, trích đo, trích lục, chuyên thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, lấy ý kiến của Cơ quan quản lý công trình xây dựng đối với tài sản gắn liền với đất theo quy định, chuẩn bị hồ sơ để trình cấp Giấy chứng nhận, chuyển hồ sơ để trả kết quả.

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của UBND cấp huyện.

UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; thời gian thực hiện không quá 03 ngày (không bao gồm thời gian niêm yết, công khai hồ sơ tại UBND cấp xã là 15 ngày theo quy định).

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại UBND cấp xã mà phải thực hiện trích đo địa chính thửa đất thì chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã phải thông báo cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; thời gian thực hiện không quá 05 ngày.

Thời gian trích đo địa chính thửa đất, hoặc trích lục địa chính thửa đất được thực hiện đồng thời với thời gian giải quyết hồ sơ.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Cơ quan quản lý về xây dựng, tài sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến về nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất của Văn phòng đăng ký đất đai thì Cơ quan quản lý về xây dựng, tài sản phải có ý kiến bằng văn bản gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai.

b) Cơ quan Thuế: Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ

quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

4. Cơ quan thẩm định hồ sơ và trình ký Giấy chứng nhận: Không quá 03 ngày.

5. Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Không quá 02 ngày.

6. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất mà không cấp Giấy chứng nhận thì thời gian giải quyết là 11 ngày bao gồm các nội dung công việc thực hiện tại UBND cấp xã, Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan quản lý về xây dựng, tài sản (nếu có) theo quy định tại khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này.

7. Trường hợp người được nhà nước giao đất để quản lý thực hiện đăng ký đất đai thì thời gian giải quyết là 08 ngày.

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc đã có bản đồ địa chính nhưng hiện trạng ranh giới sử dụng đất đã thay đổi hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp; cập nhật thông tin thửa đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai quy định tại điểm b, e khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Điều 12. Thời gian thực hiện đăng ký chứng nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận khi thay đổi tài sản gắn liền với đất

Thời gian giải quyết không quá 14 ngày, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Cơ quan giải quyết:

a) Đối với hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:

UBND cấp xã trong thời gian không quá 02 ngày có trách nhiệm thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (thời gian trên không bao gồm thời gian niêm yết, công khai hồ sơ tại UBND cấp xã là 15 ngày theo quy định của pháp luật).

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trong thời gian không quá 04 ngày có trách nhiệm thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

b) Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh: Văn phòng đăng ký đất đai trong thời gian không quá 06 ngày có trách nhiệm thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Cơ quan quản lý về xây dựng, tài sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến về nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất của Văn phòng đăng ký đất đai thì Cơ quan quản lý về xây dựng, tài sản phải có ý kiến bằng văn bản gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai.

b) Cơ quan Thuế: Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

4. Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

Điều 13. Thời gian thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở

1. Kiểm tra hồ sơ pháp lý xác nhận điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà của chủ đầu tư tại dự án:

Thời gian giải quyết không quá 20 ngày, cụ thể như sau:

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết :

Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác minh thực địa về hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án. Trường hợp cần chủ đầu tư dự án giải trình, bổ sung hồ sơ thì ra thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và nội dung cần giải trình, bổ sung gửi chủ đầu tư dự án (thời gian chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ).

Trường hợp chủ đầu tư dự án không có giấy tờ hoặc hiện trạng nhà ở, công trình xây dựng có thay đổi so với giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 31 và khoản 2 Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì gửi Phiếu lấy ý kiến của Cơ quan quản lý về xây dựng theo thẩm quyền.

c) Cơ quan phối hợp:

Cơ quan quản lý về xây dựng theo thẩm quyền, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các nội dung có liên quan đến việc chứng nhận sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất.

d) Cơ quan ra thông báo:

Trong thời gian không quá 05 ngày sau khi nhận được ý kiến phản hồi của Cơ quan quản lý về xây dựng (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo cho chủ đầu tư dự án về kết quả kiểm tra và gửi thông báo kèm theo sơ đồ nhà đất đã kiểm tra cho Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển nhượng đối với các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp chủ đầu tư dự án có vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng, nhà ở thì Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, kết luận hoặc chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện (đối với các trường hợp vi phạm liên quan đến các lĩnh vực khác) kiểm tra, kết luận; báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật. Việc xem xét, xử lý vi phạm không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

2. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở.

Thời gian giải quyết không quá 08 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 03 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc quy định tại khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP).

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

Điều 14. Thời gian thực hiện đăng ký biến động đất đai sau khi cấp Giấy chứng nhận

1. Thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất.

Thời gian giải quyết không quá 08 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 03 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc quy định tại khoản 3 Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, trường hợp không phải cấp mới Giấy chứng nhận thì xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận và trả kết quả cho người sử dụng đất hoặc gửi kết quả đến UBND cấp xã để trả kết quả (nếu người sử dụng đất nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

2. Thủ tục tách thửa, hợp thửa

Thời gian giải quyết không quá 14 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 06 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đo đạc địa chính để tách thửa và chuyển bản trích đo thửa đất mới tách cho người sử dụng đất để thực hiện ký kết hợp đồng, văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất một phần thửa đất mới tách.

Trường hợp tách thửa gắn với thực hiện chuyển quyền sử dụng đất thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; thời gian thực hiện không quá 03 ngày.

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

3. Thủ tục đăng ký gia hạn sử dụng đất.

Thời gian giải quyết không quá 07 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và khoản 2 Điều 74a được bổ sung tại khoản 48 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 04 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và khoản 4 Điều 74a (được bổ sung tại khoản 48 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP), xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp và trả kết quả cho người sử dụng đất hoặc gửi kết quả đến UBND cấp xã để trả kết quả (nếu người sử dụng đất nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

4. Thủ tục xác nhận được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất.

Thời gian giải quyết không quá 05 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

- Thời gian giải quyết của UBND cấp xã không quá 02 ngày để thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, bao gồm: Kiểm tra hồ sơ, xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- Trong thời gian không quá 03 ngày, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận, trả kết quả cho người sử dụng đất hoặc gửi kết quả đến UBND cấp xã để trả kết quả (nếu người sử dụng đất nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

5. Thủ tục đăng ký xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.

Thời gian giải quyết không quá 07 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 07 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận và trả kết quả cho người sử dụng đất hoặc gửi kết quả đến UBND cấp xã để trả kết quả (nếu người sử dụng đất nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

6. Thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích, số hiệu, địa chỉ thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

Thời gian giải quyết không quá 10 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 02 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp và trả kết quả cho người sử dụng đất.

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến về nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất của Văn phòng đăng ký đất đai thì Cơ quan quản lý về xây dựng, tài sản phải có ý kiến bằng văn bản gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai theo đúng quy định của pháp luật;

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

7. Thủ tục đăng ký đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần; từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất; từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Thời gian giải quyết không quá 10 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, xác

nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận, trả kết quả cho người sử dụng đất hoặc gửi kết quả đến UBND cấp xã để trả kết quả (nếu người sử dụng đất nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế phải thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

8. Thủ tục đăng ký chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Thời gian giải quyết không quá 08 ngày (không áp dụng đối với trường hợp sử dụng đất thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư gắn với chuyển mục đích sử dụng đất), cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 03 ngày, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và điểm b, d khoản 5 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp và trả kết quả cho người sử dụng đất hoặc gửi kết quả đến UBND cấp xã để trả kết quả (nếu người sử dụng đất nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

d) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

đ) Trường hợp người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê thì thời gian thực hiện nội dung công việc theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được thực hiện theo trình tự giao đất, cho thuê đất, thời gian thực hiện là 12 ngày.

9. Thủ tục xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Thời gian giải quyết không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 51 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP). Thời gian thực hiện không quá 03 ngày.

Trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận cho bên góp vốn thì thời gian để thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận cho bên góp vốn là 02 ngày và tổng thời gian giải quyết không vượt quá 05 ngày.

10. Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất

Thời gian giải quyết không quá 02 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện xác nhận việc xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại vào Giấy chứng nhận đã cấp, hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 51 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP); thời gian thực hiện không quá 02 ngày.

11. Chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng

Thời gian giải quyết không quá 05 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Trong thời gian không quá 02 ngày, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp, trả kết quả cho người sử dụng đất hoặc gửi kết quả đến UBND cấp xã để trả kết quả (nếu người sử dụng đất nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

c) Cơ quan phối hợp:

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định.

Điều 15. Cấp đổi Giấy chứng nhận

1. Thời gian giải quyết không quá 07 ngày, cụ thể như sau:

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cơ quan giải quyết:

Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết những nội dung công việc theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; thời gian thực hiện không quá 05 ngày.

c) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 02 ngày.

2. Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ thì thời gian thực hiện không quá 30 ngày, cụ thể như sau:

a) Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết những nội dung công việc theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; thời gian thực hiện không quá 22 ngày.

b) Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 08 ngày.

Điều 16. Cấp lại Giấy chứng nhận

Thời gian giải quyết không quá 10 ngày, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Cơ quan giải quyết:

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; thời gian thực hiện không quá 07 ngày.

3. Cơ quan ký Giấy chứng nhận: Thời gian không quá 03 ngày.

Điều 17. Đính chính Giấy chứng nhận

Thời gian giải quyết không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho cơ quan giải quyết hoặc giải quyết ngay từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Cơ quan giải quyết: Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện những nội dung công việc theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; thời gian thực hiện không quá 07 ngày.

3. Cơ quan có thẩm quyền đính chính: Thời gian không quá 03 ngày.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện trong việc quản lý công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh.
2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đất đai; hướng dẫn các thủ tục, hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất.
3. Cấp Giấy chứng nhận theo ủy quyền và thẩm quyền cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh theo quy định.
4. Đính chính, thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền.
5. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật và Quy chế này.
6. Phối hợp với UBND cấp huyện và cơ quan khác có liên quan, thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận; xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn.

Điều 19. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng đầu mối, tham mưu giúp UBND cấp huyện tổ chức theo dõi, quản lý việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn.
2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và các Phòng, ban khác thuộc UBND cấp huyện kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận hoặc trả lời theo Phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền giải quyết do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến; trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn.
3. Chỉ đạo Cơ quan Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra; có văn bản kết luận về Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai.
4. Chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục đăng ký đất đai cho người sử dụng đất trên địa bàn.
5. Cấp Giấy chứng nhận lần đầu và cấp đổi Giấy chứng nhận do đã thực hiện xong “dồn điền, đổi thửa” cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định.
6. Đính chính, thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền.
7. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện đăng ký đất đai, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất; cập nhật, chỉnh lý biến động về đất đai; xác nhận các hồ sơ, giấy tờ khi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có yêu cầu.

8. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; bố trí phòng (hoặc khu vực) cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện để tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính.

9. Phối hợp xem xét xử lý tổ chức, cá nhân không tuân thủ quy định về kê khai, đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng và tài sản gắn liền với đất

1. Hướng dẫn xác định về cấp (hạng) nhà, loại nhà, cấp công trình xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích sàn hoặc công suất, kết cấu công trình để cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động sau cấp Giấy chứng nhận.

2. Hướng dẫn xử lý đề cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động đối với các trường hợp nhà ở, công trình xây dựng không phép, sai phép, không đúng quy hoạch và dự án đầu tư.

3. Cung cấp thông tin về tài sản, công trình xây dựng gắn liền với đất; hồ sơ quy hoạch xây dựng chi tiết; về hành lang bảo vệ các công trình nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt để phục vụ cấp Giấy chứng nhận.

4. Trong thời hạn quy định, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời theo Phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền giải quyết do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến để cấp Giấy chứng nhận theo quy định; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản hướng dẫn cụ thể để Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện hoặc hướng dẫn, trả lời người thực hiện thủ tục hành chính; trường hợp chậm có ý kiến phải có văn bản xin lỗi công dân, tổ chức theo quy định.

5. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Điều 21. Trách nhiệm của Cơ quan Thuế

1. Cơ quan Thuế có trách nhiệm tiếp nhận, trả hồ sơ về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

2. Trong thời hạn quy định, Cơ quan Thuế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp trong thời hạn quy định mà chưa xác định được nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để phối hợp giải quyết; trường hợp chậm trả thông báo phải có văn bản xin lỗi công dân, tổ chức theo quy định.

Định kỳ mỗi quý một lần, cơ quan giao hồ sơ và cơ quan nhận hồ sơ phải kiểm tra, đối chiếu số hồ sơ về nghĩa vụ tài chính đã giao với số thông báo nghĩa vụ tài chính đã nhận để phát hiện các trường hợp còn tồn đọng. Việc kiểm tra, đối chiếu phải lập biên bản và ghi rõ số lượng hồ sơ về nghĩa vụ tài chính đã giao, số lượng thông báo nghĩa vụ tài chính đã nhận, số hồ sơ còn tồn đọng, chưa giải quyết và nguyên nhân tồn đọng, chậm trễ của từng hồ sơ.

3. Văn phòng đăng ký đất đai và Cơ quan Thuế bố trí cán bộ am hiểu về các thủ tục thu, nộp và miễn, giảm các khoản thu liên quan đến nhà, đất, công trình xây dựng để thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính, bảo đảm tính chuyên nghiệp cao và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan để phục vụ các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các Chi cục Thuế tiếp nhận và thông báo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất khi đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận đảm bảo thống nhất, đơn giản, thuận tiện, đúng quy định.

5. Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của Trung tâm Hành chính công

1. Kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận của các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại Trung tâm, đảm bảo đúng quy trình và thời gian quy định thông qua hệ thống Cổng Thông tin dịch vụ công của tỉnh. Chủ động trao đổi với các cơ quan trực tiếp xử lý, giải quyết thủ tục hành chính, nhằm tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính; phối hợp làm rõ nguyên nhân các trường hợp giải quyết thủ tục hành chính chậm so với quy định.

2. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân khi đến liên hệ giải quyết công việc; tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân đối với các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 23. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tổ chức thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất cho các đối tượng sử dụng, quản lý đất trên địa bàn theo quy định. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp tại UBND cấp xã thì sau khi tiếp nhận và thực hiện các nội dung công việc theo quy định, UBND cấp xã có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

2. Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trong thực hiện trích đo địa chính hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất; xác nhận hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

3. Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý biến động về sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của UBND cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận.

Điều 24. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai

1. Thực hiện, chỉ đạo, hướng dẫn các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tổ chức thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Phối hợp với các cơ quan khác có liên quan đến việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận; xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn.

3. Báo cáo việc thực hiện đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 25. Trách nhiệm phối hợp của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất

1. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp để chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quản lý hoặc xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi Nhà nước thu hồi một phần thửa đất hoặc một số thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp để cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

2. Cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến việc chỉnh lý hồ sơ địa chính cho Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Mục 2

CÔNG TÁC LẬP, CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

Điều 26. Lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính

1. Hồ sơ địa chính làm cơ sở để xác định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác định quyền và nghĩa vụ của người được Nhà nước giao quản lý đất. Hồ sơ địa chính phải được lập, cập nhật, chỉnh lý thường xuyên theo quy định.

2. Việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai phải hoàn thành trước khi trao Giấy chứng nhận cho người được cấp và trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày ký cấp Giấy chứng nhận hoặc ngày xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc ngày hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ đăng ký đối với trường hợp không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký đất được giao quản lý; đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất (đã bàn giao đất trên thực địa) thì phải hoàn thành

trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thu hồi đất, giao đất chuyển đến Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất thì trong thời hạn không quá 05 kể từ ngày hoàn thành (theo tiến độ bàn giao đất trên thực địa), tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và cơ quan có thẩm quyền giao đất có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 27. Trách nhiệm lập, cập nhật, chỉnh lý, kiểm tra hồ sơ địa chính

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Tổ chức việc thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính;
- b) Chỉ đạo thực hiện chỉnh lý, cập nhật biến động vào bản đồ địa chính, sổ mục kê, hồ sơ địa chính và chỉnh lý biến động thường xuyên vào bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và các tài liệu khác có liên quan;
- c) Tham mưu UBND tỉnh để phân bổ kinh phí cho công tác quản lý, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh.
- d) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai:
 - Tổ chức thực hiện lập, quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính theo quy định; cung cấp bản sao bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai (dạng số hoặc dạng giấy) và các tài liệu khác có liên quan cho UBND cấp xã sử dụng;
 - Kiểm tra việc đo đạc chỉnh lý, tách, hợp thửa đất trên bản đồ địa chính; kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất hoặc các loại bản đồ khác hiện có dạng giấy, dạng số đối với nơi chưa có bản đồ địa chính trước khi sử dụng để đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền;
 - Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính dạng số đã thực hiện; kiểm tra tối thiểu 6 tháng một lần việc cập nhật, chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính do công chức địa chính cấp xã thực hiện; báo cáo kết quả kiểm tra về UBND cấp huyện để theo dõi, chỉ đạo.

2. UBND cấp huyện:

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thuộc huyện, cơ quan thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, UBND cấp xã có trách nhiệm chuyển đầy đủ các loại hồ sơ, tài liệu có liên quan đến thủ tục hành chính, kết quả bồi thường, giải phóng mặt bằng (bản giấy và bản số) đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý; đồng thời phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc chỉnh lý, cập nhật biến động bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và chỉnh lý biến động thường xuyên bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và các tài liệu khác có liên quan.

Chỉ đạo UBND cấp xã cập nhật, chỉnh lý bản sao bản đồ, hồ sơ địa chính và các tài liệu khác có liên quan đang quản lý tại cấp xã.

3. UBND cấp xã: Cập nhật, chỉnh lý bản sao bản đồ, hồ sơ địa chính và các tài liệu khác có liên quan đang quản lý.

Mục 3

CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CẬP NHẬT, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 28. Xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai

Cơ sở dữ liệu đất đai tại tỉnh được xây dựng từ kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận; thống kê, kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất và bản đồ giá đất; điều tra cơ bản về đất đai; thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện quản lý hệ thống thông tin đất đai tại tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.

2. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương.

3. Thực hiện chia sẻ, cung cấp cho các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyền truy cập để sử dụng dữ liệu từ hệ thống thông tin đất đai.

4. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Sở, ngành liên quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý khai thác, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm tự động hoá việc xác minh, điền thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đất đai.

5. Cung cấp hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hồ sơ về giá đất, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai (bản giấy và bản số) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, giải quyết cho Văn phòng đăng ký đất đai. Chuyển hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... cùng bản trích đo chỉnh lý địa chính thửa đất, khu đất (bản giấy và bản số) đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết cho Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh; hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin nhằm đảm bảo việc cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu của địa phương được xuyên suốt, thống nhất, đồng bộ.

2. Tổ chức thực hiện các chương trình tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 31. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện công tác cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai tại cấp huyện.

2. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại cấp huyện.

Điều 32. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai

1. Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh.

2. Cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu địa chính đối với các thửa đất có biến động.

3. Xây dựng phương án, mức thu phí và các khoản lệ phí trong việc cung cấp thông tin đất đai, thực hiện cung cấp thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

4. Báo cáo tình hình cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định và khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Dự kiến nhu cầu, xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động cơ sở dữ liệu đất đai hàng năm; nhận bàn giao các sản phẩm từ các dự án có liên quan để cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định.

6. Chịu trách nhiệm quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương.

Điều 33. Cung cấp thông tin dữ liệu đất đai

1. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai được thực hiện theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh là Văn phòng đăng ký đất đai. Đối với đơn vị cấp huyện, cấp xã chưa xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp dữ liệu đất đai từ hồ sơ địa chính theo phân cấp quản lý hồ sơ địa chính.

3. Thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai thực hiện theo quy định sau:

a) Trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp thông tin đất đai trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp thông tin đất đai sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo;

b) Trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.



Mục 4**THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI
VÀ XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT****Điều 34. Phối hợp trong thực hiện thống kê đất đai****1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện thống kê đất đai trên địa bàn toàn tỉnh; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát tình hình thực hiện thống kê của cấp huyện;

b) Kiểm tra kết quả thống kê đất đai của cấp tỉnh, ký xác nhận các biểu thống kê đất đai; trình UBND tỉnh ký duyệt;

c) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:

Tiếp nhận và kiểm tra kết quả thống kê đất đai cấp huyện; tổng hợp các biểu thống kê diện tích đất đai cấp tỉnh theo quy định; dự thảo các báo cáo thuyết minh thống kê đất đai cấp tỉnh.

Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã trong thực hiện thống kê đất đai theo quy định.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp xã thực hiện thống kê đất đai theo quy định.

b) Phê duyệt, báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp huyện.

c) Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

- Giúp UBND huyện tổ chức thực hiện thống kê đất đai; kiểm tra, hướng dẫn, giám sát tình hình thực hiện ở cấp xã;

- Tiếp nhận và kiểm tra kết quả thống kê đất đai cấp xã; tổng hợp các biểu thống kê diện tích đất đai cấp huyện theo quy định; ký biểu thống kê đất đai; dự thảo các báo cáo thuyết minh thống kê đất đai cấp huyện để trình UBND cấp huyện phê duyệt theo quy định;

- Thực hiện báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp huyện đến cấp tỉnh theo quy định.

3. UBND cấp xã có trách nhiệm

Tổ chức thực hiện thống kê đất đai cấp xã theo quy định; lập, xác nhận biểu thống kê đất đai, phê duyệt kết quả thống kê đất đai và báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp xã cho UBND cấp huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Điều 35. Phối hợp trong thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất

1. Đối với công tác kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất thực hiện 05 năm một lần gắn với kiểm kê đất đai chuyên đề (nếu có) theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì xây dựng phương án, dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các Sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm kê đất đai theo phương án kiểm kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 5

CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 36. Đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện:

a) Trung tâm Hành chính công tỉnh: Đối với trường hợp người sử dụng đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

b) Trung tâm Hành chính công cấp huyện: Đối với trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

2. Cơ quan giải quyết và xác nhận nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm là Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Thời gian giải quyết: Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết trong ngày; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, thì không quá 03 ngày.

Điều 37. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì hướng dẫn thực hiện việc đăng ký, quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu đăng ký biện pháp bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh. Tích hợp trao đổi, cung cấp thông tin giữa hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch với hệ thống cơ sở dữ liệu đăng ký biện pháp bảo đảm, hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường.

2. Chủ trì hướng dẫn Văn phòng đăng ký đất đai xây dựng hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh theo quy định.

BẮC NINH

3. Tổ chức định kỳ và thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ làm công tác đăng ký biện pháp bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

4. Áp dụng các giải pháp nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tra cứu thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm, đẩy mạnh chia sẻ thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm trên địa bàn tỉnh.

5. Hướng dẫn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về đăng ký biện pháp bảo đảm theo thẩm quyền.

Điều 38. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đúng quy định pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục đăng ký; kịp thời cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ về hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

3. Chỉ đạo, đôn đốc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chế độ báo cáo công tác đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp.

4. Chủ trì cập nhật, công bố thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Điều 39. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh

1. Tổ chức thực hiện phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật liên quan về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai

1. Thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định.
2. Báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm về công tác đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.
3. Cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.
4. Xây dựng, cập nhật, tích hợp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.
5. Tổng hợp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng không phải là nhà để báo cáo cấp có thẩm quyền để đăng tải, công bố theo quy định pháp luật.

Điều 41. Cơ quan thi hành án dân sự, Văn phòng Thừa phát lại

1. Phối hợp phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật liên quan về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.
2. Cục thi hành án dân sự tỉnh chỉ đạo Chi cục thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm gửi thông báo về việc áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành về tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng tài sản, kê biên tài sản thi hành án, giải tỏa kê biên tài sản thi hành án là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 1/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.
3. Thực hiện trao đổi thông tin liên quan về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 42. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận, xây dựng, quản lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai, thống kê, kiểm kê đất đai; đăng ký biện pháp bảo đảm và Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành. Trường hợp vi phạm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Các Sở, ban, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh, Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh, Trung tâm Hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biện pháp bảo đảm theo nội dung Quy chế này và quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất; Cơ quan Thuế; Cơ quan quản lý về đăng ký biện pháp bảo đảm; UBND cấp huyện, UBND cấp xã; tổ chức, cá nhân sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải
Đào Quang Khải